

Thứ hai ngày tháng năm

HỌC VẦN

Bài 81: **ach**

I.MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

- _ HS đọc được: **ach, cuốn sách** từ và đoạn thơ ứng dụng
- _ Viết được: **ach, cuốn sách**
- _ Luyện nói từ 2 – 4 câu theo chủ đề: **Giữ gìn sách vở**

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

Tranh SGK

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>* Kiểm tra bài cũ:</p> <p>_ Đọc</p> <p>_ Cho HS tìm tiếng và từ có chứa các vần iêc, ươc</p> <p>_ Viết: GV chọn từ</p> <p>1.Giới thiệu bài:</p> <p>_ Hôm nay, chúng ta học vần ach. GV viết lên bảng ach</p> <p>_ Đọc mẫu: ach</p> <p>2.Dạy vần:</p> <p style="text-align: center;">ach</p> <p>_ GV giới thiệu vần: ach</p> <p>_ Cho HS đánh vần. Đọc trơn</p> <p>_ Cho HS cài bảng</p> <p>_ Cho HS cài thêm vào vần ach chữ s và dấu sắc để tạo thành tiếng sách</p> <p>_ Phân tích tiếng sách?</p> <p>_ Cho HS đánh vần tiếng: sách</p> <p>_ GV viết bảng: sách</p> <p>_ GV giới thiệu cho HS xem quyển sách tiếng việt 1 và hỏi: Đây là cái gì?</p> <p>_ GV viết bảng từ khoá</p> <p>_ Cho HS đọc trơn:</p> <p style="text-align: center;">ach, sách, cuốn sách</p> <p>* Đọc từ và câu ứng dụng:</p> <p>_ Cho HS đọc từ ngữ ứng dụng:</p> <p style="text-align: center;">viên gạch kênh rạch sạch sẽ cây bạch đàn</p> <p>+Tìm tiếng mang vần vừa học</p> <p>+Đọc trơn tiếng</p>	<p>+HSHT đọc bài 80</p> <p>+Đọc thuộc câu ứng dụng CHT</p> <p>_ Cho mỗi dãy viết một từ đã học</p> <p>_ Đọc theo GV</p> <p>_ Đánh vần: a-ch-ach CHT</p> <p>Đọc trơn: ach HT</p> <p>_ Cài: ach</p> <p>_ Cài: sách</p> <p>_ Đánh vần: sờ-ach- sách- sắc-sách CHT</p> <p>_ cuốn sách</p> <p>_ Đọc: cuốn sách HT</p> <p>_ HS đọc cá nhân, nhóm, lớp</p> <p>Viết bảng con</p> <p>HSHT</p>

- +Đọc trơn từ
- _ GV giải thích cho HS để hình dung

TIẾT 2

3. Luyện tập:

a) Đọc SGK

- _ Cho HS xem tranh 1, 2, 3
- _ Cho HS đọc thầm và tìm tiếng mới
- _ Cho HS luyện đọc

b) Hướng dẫn viết:

- _ Viết mẫu bảng lớp: **ach**
- _ Hướng dẫn viết từ: **cuốn sách**
- Lưu ý cách nối liền mạch giữa các con chữ, khoảng cách cân đối giữa các chữ

- _ Cho HS tập viết vào vở

c) Luyện nói theo chủ đề:

- _ Chủ đề: **Giữ gìn sách vở**
- _ GV cho HS xem một số sách vở được giữ gìn sạch sẽ của các bạn trong lớp
- _ Em đã làm gì để giữ gìn sách vở?

* *Chơi trò chơi:*

4. Củng cố – dặn dò:

- _ Củng cố:
- + GV chỉ bảng
- _ Dặn dò:

_ HS đọc từ ngữ ứng dụng

- _ Quan sát và nhận xét tranh
- _ Tiếng mới: **sạch, sách**
- _ Đọc trơn đoạn thơ ứng dụng HSHT
- _ Đọc toàn bài trong SGK

_ Tập viết: **iêc, ước**

_ Tập viết: **cuốn sách**

_ Viết vào vở

- _ Đọc tên bài luyện nói
- _ HS quan sát, thảo luận nhóm về rồi lên giới thiệu trước lớp về quyển sách, vở đẹp đó

+HS theo dõi và đọc theo.

- _ Học lại bài, tự tìm chữ có vần vừa học ở nhà.
- _ Xem trước bài 82

<p>đoạn thẳng AB</p> <p>c) GV cho HS vẽ một đoạn thẳng</p> <p>3. Thực hành:</p> <p><u>Bài 1:</u> Gọi HS đọc tên các điểm và các đoạn thẳng trong SGK</p> <p><u>Bài 2:</u> _Dùng thước và bút nối từng cặp 2 điểm để có các đoạn thẳng</p> <p><u>Bài 3:</u> <u>Có 2 yêu cầu:</u> _Cho HS nêu số đoạn thẳng _Đọc tên từng đoạn thẳng trong mỗi hình vẽ</p> <p><u>2.Nhận xét –dặn dò:</u> _ Nhận xét tiết học _ Dặn dò: Chuẩn bị bài 67: Độ dài đoạn thẳng</p>	<p>_Thực hành vẽ một đoạn thẳng</p> <p>_Điểm M, điểm N, đoạn thẳng NM</p> <p>...</p> <p>_Thực hành nối</p> <p>_Đọc tên từng đoạn thẳng</p>
--	--

BUỔI CHIỀU

LUYỆN ĐỌC

- HS đọc SGK bài ach
- + HS CHT đọc một phần
- + HS HT đọc cả bài
- + HS làm vở bài tập .

LUYỆN VIẾT

- HS viết bảng con : ach- cuốn sách
- HS viết vào vở : bài ach

LUYỆN TOÁN

Cho HS ôn một số nội dung đã học trong tuần qua:cộng trừ trong phạm vi 10: Tính ngang, Tính dọc, viết phép tính thích hợp, Nối phép cộng với kết quả đúng, Tính dãy tính có hai phép tính

Thứ ba ngày tháng năm

HỌC VẦN

Bài 82: **ich- êch**

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

- _ HS đọc được: **ich, êch, tờ lịch, con ếch** từ và đoạn thơ ứng dụng
- _ Viết được: **ich, êch, tờ lịch, con ếch**
- _ Luyện nói từ 2 – 4 câu theo chủ đề: **Chúng em đi du lịch**

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- _ Tranh con ếch, tờ lịch

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>* Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">_ Đọc_ Cho HS tìm tiếng và từ có chứa các vần ach_ Viết: GV chọn từ <p>1. Giới thiệu bài:</p> <ul style="list-style-type: none">_ Hôm nay, chúng ta học vần ich, êch. GV viết lên bảng ich, êch_ Đọc mẫu: ich, êch <p>2. Dạy vần:</p> <p style="text-align: center;">ich</p> <ul style="list-style-type: none">_ GV giới thiệu vần: ich_ Cho HS đánh vần. Đọc trơn_ Cho HS cài bảng_ Cho HS cài thêm vào vần ich chữ l và dấu nặng để tạo thành tiếng lịch_ Phân tích tiếng lịch?_ Cho HS đánh vần tiếng: lịch_ GV viết bảng: lịch_ GV giơ tờ lịch và hỏi: Đây là cái gì?_ GV viết bảng từ khoá_ Cho HS đọc trơn: <p style="text-align: center;">ich, lịch, tờ lịch</p> <p style="text-align: center;">êch</p> <p>Tiến hành tương tự vần ich</p> <p>* So sánh êch và ich?</p>	<p>+HSHT đọc bài 81</p> <p>+Đọc thuộc câu ứng dụng CHT</p> <p>_ Đọc theo GV</p> <p>_ Đánh vần: i-ch-ich CHT</p> <p>Đọc trơn: ich HT</p> <p>_ Cài : ich</p> <p>_ Cài : lịch</p> <p>_ Đánh vần: lờ-ich-lịch-nặng-lịch CHT</p> <p>tờ lịch</p> <p>_ Đọc: tờ lịch HT</p> <p>_ HS đọc cá nhân, nhóm, lớp</p> <p>Viết bảng con</p> <p>HSHT</p> <p>+Giống: kết thúc bằng ch</p> <p>+Khác: êch mở đầu bằng ê</p> <p>* Đọc trơn:</p>

* Đọc từ và câu ứng dụng:

_ Cho HS đọc từ ngữ ứng dụng:

vở kịch

mũi hếch

vui thích

chênh chếch

+Tìm tiếng mang vần vừa học

+Đọc trơn tiếng

+Đọc trơn từ

_ GV giải thích (*hoặc có hình vẽ, vật mẫu*) cho HS dễ hình dung

TIẾT 2

3. Luyện tập:

a) Đọc SGK

_ Cho HS xem tranh 1, 2, 3

_ Cho HS đọc thầm và tìm tiếng mới

_ Cho HS luyện đọc

b) Hướng dẫn viết:

_ Viết mẫu bảng lớp: **ich, êch**

_ Hướng dẫn viết từ: **tờ lịch, con ếch**

Lưu ý cách nối liền mạch giữa các con chữ, khoảng cách cân đối giữa các chữ

_ Cho HS tập viết vào vở

c) Luyện nói theo chủ đề:

_ Chủ đề: **Chúng em đi du lịch**

_ GV cho HS xem tranh và hỏi:

+ Tranh vẽ gì?

+ Ai đã được đi du lịch với gia đình hoặc với nhà trường?

+ Khi đi du lịch các bạn thường mang những gì?

+ Kể tên những chuyến du lịch mà em đã được đi?

* *Chơi trò chơi:*

4. Củng cố – dặn dò:

_ Củng cố:

+ GV chỉ bảng (hoặc SGK)

_ Dặn dò:

êch, ếch, con ếch

ich: kịch, thích

êch: hếch, chếch

_ HS đọc từ ngữ ứng dụng

_ Quan sát và nhận xét tranh

_ Tiếng mới: **chích, rích, ích**

_ Đọc trơn đoạn thơ ứng dụng HSHT

_ Đọc toàn bài trong SGK

_ Tập viết: **ich, êch**

_ Tập viết: **tờ lịch, con ếch**

_ Viết vào vở

_ Đọc tên bài luyện nói HSHT

_ HS quan sát, thảo luận nhóm về nội dung bức tranh rồi lên trước lớp giới thiệu

+HS theo dõi và đọc theo.

_ Học lại bài, tự tìm chữ có vần vừa học ở nhà.

_ Xem trước bài 83

TOÁN
BÀI 67: ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG

I. MỤC TIÊU:

Giúp học sinh:

- _ Có biểu tượng về “dài hơn- ngắn hơn”, có biểu tượng về độ dài đoạn thẳng
- _ Biết so sánh độ dài hai đoạn thẳng bằng trực tiếp hoặc gián tiếp

II. ĐỒ DÙNG DẠY – HỌC:

- _ Một vài cái bút (thước hoặc que tính) dài ngắn, màu sắc khác nhau

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Dạy biểu tượng “dài hơn, ngắn hơn” và so sánh trực tiếp độ dài hai đoạn thẳng</p> <p>a) GV giơ 2 cây thước (bút chì) dài ngắn khác nhau và hỏi:</p> <p>_ Làm thế nào để biết cái nào dài hơn, cái nào ngắn hơn?</p> <p>_ Cho HS thực hành so sánh</p> <p>_ Cho HS nhận xét hình vẽ trong SGK</p> <p>b) Giúp HS có nhận xét: <i>Mỗi đoạn thẳng có một độ dài nhất định</i></p> <p>2. So sánh gián tiếp độ dài hai đoạn thẳng qua độ dài trung gian:</p> <p>_ GV giới thiệu: Có thể so sánh độ dài đoạn thẳng với độ dài gang tay</p> <p>+GV thực hành đo độ dài một đoạn thẳng vẽ sẵn trên bảng bằng gang tay</p> <p>_ Cho HS xem SGK, nhận xét xem đoạn thẳng nào dài hơn</p> <p>_ GV nhận xét: <i>Có thể so sánh độ dài hai đoạn thẳng bằng cách so sánh số ô vuông đặt vào mỗi đoạn thẳng đó</i></p> <p>3. Thực hành:</p> <p><u>Bài 2:</u> Ghi số thích hợp vào mỗi đoạn thẳng</p> <p><u>Bài 3:</u> Tô màu vào băng giấy ngắn nhất</p> <p>_ GV hướng dẫn HS:</p>	<p>HT</p> <p>_ Chập hai chiếc lại sao cho chúng có một đầu bằng nhau, rồi nhìn vào đầu kia thì biết chiếc nào dài hơn</p> <p>_ So sánh bút chì, thước, ...</p> <p>_ HS nhận xét độ dài của thước, đoạn thẳng</p> <p>_ Thực hành so sánh từng cặp 2 đoạn thẳng trong bài tập 1</p> <p>+Quan sát</p> <p>HT</p> <p>_ Đoạn thẳng ở dưới dài hơn</p> <p>_ Đếm số ô vuông đặt vào mỗi đoạn thẳng rồi ghi số thích hợp vào mỗi đoạn thẳng tương ứng</p> <p>_ So sánh độ dài từng cặp hai đoạn thẳng</p> <p>_ HS làm bài tập</p>

+Đếm số ô vuông có trong mỗi băng giấy rồi ghi số đếm được vào băng giấy tương ứng

+So sánh các số vừa ghi để xác định băng giấy ngắn nhất

+Tô màu vào băng giấy ngắn nhất

4.Nhận xét –dặn dò:

_ Nhận xét tiết học

_ Dặn dò: Chuẩn bị bài 68: Thực hành đo độ dài

Thủ công

Bài : Gấp cái ví (tiết 2)

I.MỤC ĐÍCH YÊU CẦU :

- _ Biết cách gấp cái ví bằng giấy
- _ Gấp được cái ví bằng giấy. Ví có thể chưa cân đối. Các nếp gấp tương đối thẳng, phẳng.

II.CHUẨN BỊ:

1.Giáo viên:

- _ Ví mẫu bằng giấy màu có kích thước lớn
- _ 1 tờ giấy màu hình chữ nhật để gấp ví

2.Học sinh:

- _ 1 tờ giấy màu hình chữ nhật để gấp ví
- _ Vở thủ công

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>*Kiểm tra bài cũ : GV kiểm tra ĐDHT của H GV nhận xét .</p> <p>*Bài mới</p> <p>1.Hoạt động 1:Nhắc lại quy trình gấp cái ví -GV nêu lại quy trình gấp cái ví ở tiết 1 -GV gọi H nhắc lại các bước</p> <p style="text-align: right;"><i>Nghỉ giữa tiết</i></p> <p>2. Hoạt động 2: Thực hành -GV yêu cầu H lấy giấy thủ công gấp cái ví -GV quan sát , uốn nắn giúp đỡ những H gấp còn lúng túng -GV tổ chức trưng bày sản phẩm và tuyên dương sản phẩm đẹp -GV nhắc H dán sản phẩm vào vở thủ công</p> <p>*Nhận xét, dặn dò: -GV khen các nhóm có thái độ học tập tốt, biết giữ</p>	<p>H để ĐDHT trên bàn</p> <p>-H quan sát - 2 H nhắc lại</p> <ul style="list-style-type: none"> • Lấy đường dấu giữa hình:để dọc giấy, mặt màu úp xuống .Khi gấp phải gấp từ dưới lên, 2 mép giấy khít nhau. • Gấp 2 mép ví:gấp đều phẳng 2 mép ví, miết nhẹ tay cho thẳng. • Gấp túi ví:Khi gấp tiếp 2 mép ví vào trong,2 mép ví phải sát đường dấu giữa, không gấp lệch, không gấp chồng lên nhau.Lật ra mặt sau để giấy nằm ngang, gấp 2 phần ngoài vào <p>-H thực hiện</p> <p>-H trang trí bên ngoài ví và trình bày sản phẩm -H dán sản phẩm vào vở thủ công</p>

vệ sinh sau khi làm sản phẩm

-GV dặn H chuẩn bị 1 tờ giấy màu, 1 tờ giấy vở để học bài sau

Thứ tư ngày tháng năm

HỌC VẦN

Bài 83: Ôn tập

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU:

- _ HS đọc được các vần, từ ngữ, câu ứng dụng từ bài 77 đến bài 83
- _ Viết được các vần, từ ngữ ứng dụng từ bài 77 đến bài 83
- _ Nghe, hiểu và kể được một đoạn truyện theo tranh truyện kể: **Anh chàng ngốc và con ngỗng vàng**

II. ĐỒ DÙNG DẠY - HỌC:

- _ Tranh trong SHS **Anh chàng ngốc và con ngỗng vàng**

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

TIẾT 1

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>* Kiểm tra bài cũ:</p> <p>_ Đọc:</p> <p>_ Viết: GV đọc cho HS viết</p> <p>1. Giới thiệu bài:</p> <p>_ GV hỏi:</p> <p>+ Đọc tiếng trong khung?</p> <p>+ Trong tranh (minh họa) vẽ gì?</p> <p>Từ đó đi vào bài ôn</p> <p>2. Ôn tập:</p> <p>a) <u>Các chữ và vần đã học:</u></p> <p>_ GV viết sẵn 2 bảng ôn vần trong SGK</p> <p>_ GV đọc vần</p> <p>_ GV cho HS nhận xét:</p> <p>+ 13 vần có gì giống nhau?</p> <p>+ Trong 13 vần, vần nào có âm đôi?</p> <p>b) <u>Đọc từ ngữ ứng dụng:</u></p> <p>_ GV viết lên bảng:</p> <p>thác nước, chúc mừng, ích lợi</p> <p>_ GV chỉnh sửa lỗi cụ thể cho HS qua cách phát âm.</p> <p style="text-align: center;">Tiết 2</p> <p>3. Luyện tập:</p> <p>a) <u>Luyện đọc:</u></p> <p>_ Cho HS đọc bài trong SGK</p> <p>_ Cho HS quan sát và nhận xét bức tranh số 3 vẽ gì?</p> <p>_ Luyện đọc bài thơ ứng dụng:</p> <p>Đi đến nơi nào</p> <p>Lời chào đi trước</p>	<p>_ Cho HSHT đọc bài 82</p> <p>_ Đọc câu ứng dụng CHT</p> <p>_ Cho mỗi dãy viết một từ</p> <p>_ HS luyện đọc 13 vần</p> <p>_ HS đọc thầm và tìm tiếng có chứa vần vừa ôn: <i>thác, nước, chúc, ích</i></p> <p>_ Luyện đọc từ ứng dụng</p> <p>_ Luyện đọc toàn bài trên bảng</p> <p>_ HS đọc thầm, tìm tiếng có chứa vần vừa ôn: trước, bước, lạc</p>

Lời chào dẫn bước

Chẳng sợ lạc nhà

Lời chào kết bạn

Con đường bớt xa

_Cho HS đọc trơn toàn bài trong SGK

b) Hướng dẫn viết:

_Cho HS viết bảng:

_GV nhắc nhở HS tư thế ngồi học: lưng thẳng, cầm bút đúng tư thế

c) Kể chuyện: Anh chàng ngốc và con ngỗng vàng

_GV giới thiệu: Một anh chàng ngốc nghếch nhưng đã lấy được cô công chúa xinh đẹp. Vì sao như vậy, hãy lắng nghe câu chuyện *Anh chàng ngốc và con ngỗng vàng*

_GV kể lại câu chuyện 1 cách diễn cảm

_GV kể chuyện lần thứ hai theo nội dung từng bức tranh

_GV cho HS **kể tranh**: GV chỉ từng tranh, đại diện nhóm chỉ vào tranh và kể đúng tình tiết mà tranh đã thể hiện.

-Tranh 1:

Nhà kia có một anh út rất ngốc nghếch. Mọi người gọi anh là Ngốc. Một lần vào rừng, Ngốc gặp một cụ già. Cụ xin Ngốc nhường thức ăn cho mình. Ngốc liền mời cụ ngay, ăn xong cụ nói:

-Con là người rất tốt. Con xứng đáng nhận được một món quà quý từ sau cái cây kia

Theo hướng cụ chỉ, Ngốc bắt được một con ngỗng có bộ lông vàng. Ngốc mừng quá, ãm ngỗng về nhà

-Tranh 2:

Trên đường, anh tạt vào một quán trọ. Ba cô con gái con ông chủ đều muốn có những chiếc lông ngỗng bằng vàng. Nhưng khi họ đến rút lông ngỗng thì tay liền bị dính ngay vào ngỗng, không ra được.

Ngốc tiếp tục lên đường. Anh không biết có ba cô gái vẫn đang lẻo đẻo theo sau. Dọc đường, có một người đàn ông định kéo giúp các cô nhưng tay ông bị dính vào luôn. Rồi có hai người nông dân đang vác cuốc cũng giơ tay ra cứu người đàn ông nhưng họ cũng bị dính tiếp.

Thế là cả đoàn bảy người kéo lên kinh đô

-Tranh 3:

Vừa lúc ở Kinh đô có chuyện lạ: Công chúa chẳng cười chẳng nói và vua đã treo giải: ai làm cho công chúa cười thì sẽ được cưới nàng làm vợ

-Tranh 4:

_Đọc trơn bài thơ

_Cho HS viết: **thác nước, ích lợi**

_Sau khi nghe xong HS thảo luận nhóm và cử đại diện thi tài

_Mỗi tổ kể 1 tranh

Công chúa nhìn thấy đoàn bảy người cùng con ngỗng đang đi lệch thếch thì buồn cười quá. Nàng cất tiếng cười sằng sặc

Ngốc được giải. Anh được cưới công chúa xinh đẹp làm vợ

*** Ý nghĩa câu chuyện:**

Nhờ sống tốt bụng Ngốc đã gặp được điều tốt đẹp, được lấy công chúa làm vợ

d) Hướng dẫn làm bài tập: (nếu có thể)

4.Củng cố – dặn dò:

_Củng cố:

+ GV chỉ bảng ôn (hoặc SGK)

_Dặn dò:

+HS theo dõi và đọc theo.

+HS tìm chữ có vần vừa học trong SGK, báo, hay bất kì văn bản nào, ...

_ Học lại bài, tự tìm chữ có vần vừa học ở nhà.

TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI

Bài 18 :Cuộc sống xung quanh (tiết 1)

I.MỤC ĐÍCH YÊU CẦU :

_ Nêu được một số nét về cảnh quan thiên nhiên và công việc của người dân nơi HS ở.

@- **GDKNS** :KN tìm kiếm và xử lí thông tin: Quan sát về cảnh vật và hoạt động sinh sống .

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

-Các hình ở bài 18 trong SGK.-Bức tranh cánh đồng gặt lúa.

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>* Ổn định</p> <p>*Kiểm tra bài cũ:</p> <p>-Vì sao phải giữ gìn lớp học sạch, đẹp?</p> <p>-Em đã làm gì để giữ gìn lớp học sạch, đẹp?</p> <p>-GV nhận xét, cho điểm</p> <p>*Bài mới:Giới thiệu bài:Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu cuộc sống đang diễn ra ở xung quanh chúng ta .T ghi tựa bài</p> <p>1.Hoạt động 1:Cho H tham quan khu vực quanh trường</p> <p>-GV cho H nhận xét về quang cảnh trên đường,về quang cảnh 2 bên đường</p> <p>-GV phổ biến nội quy khi tham quan</p> <p>-GV cho H thực hiện</p> <p>-GV yêu cầu H kể lại những gì đã thấy khi đi tham quan</p> <p>@- KN tìm kiếm và xử lí thông tin: Quan sát về cảnh vật hoạt động sinh sống .</p>	<p>- 2 H</p> <p>HT</p> <p>H quan sát</p> <p>-H nghe giao nhiệm vụ</p> <p>-H đi thẳng hàng, trật tự theo hướng dẫn của Gv</p> <p>-H đi thẳng hàng</p> <p>-5 H</p> <p>-H: bưu điện, trạm y tế, trường học, cánh đồng...</p> <p>-H:ở nông thôn.Vì có cánh đồng</p>

<p style="text-align: right;"><i>Nghỉ giữa tiết</i></p> <p>2.Hoạt động 2:Làm việc với SGK</p> <p>-GV:em nhìn thấy gì trong bức tranh?</p> <p>-GV:Đây là bức tranh vẽ cuộc sống ở đâu?Vì sao em biết?</p> <p>-GV: theo em bức tranh đó có cảnh gì đẹp nhất?Vì sao em thích ?</p> <p>*Củng cố:</p> <p>GV cho H chơi trò chơi đóng vai:</p> <p>Khách về thăm quê ,gặp 1 em bé và hỏi :Bác đi xa lâu nay mới về.Cháu có thể kể cho bác biết về cuộc sống ở đây không?</p> <p>GD HS dù ở nông thôn hay thành phố cần giữ vệ sinh môi trường và nếp sống văn minh</p> <p>GVnhận xét</p>	<p>-H suy nghĩ trả lời</p> <p>2 H</p>
---	---------------------------------------

BUỔI CHIỀU

LUYỆN ĐỌC

- HS đọc SGK bài Ôn tập
- + HS CHT đọc một phần
- + HS HT đọc cả bài
- + HS làm vở bài tập .

LUYỆN VIẾT

- HS viết bảng con : thác nước, ích lợi
- HS viết vào vở bài ôn tập.

LUYỆN TOÁN

Cho HS ôn một số nội dung đã học trong tuần qua:cộng trừ trong phạm vi 10: Tính ngang, Tính dọc, viết phép tính thích hợp, Nối phép cộng với kết quả đúng, Tính dãy tính có hai phép tính và đo độ dài đoạn thẳng.

Thứ năm ngày tháng năm

HỌC VẤN

Ôn tập giữa kì 1

GV hướng dẫn học sinh ôn tập những kiến thức đã học :

- _ Đọc bảng : GV viết lên bảng cho HS đọc
 - + Một số vần khó HS dễ nhầm lẫn: an/ang, at/ac, in/inh, un/ung, iên/iêng, ...
 - + Từ ứng dụng
- _ Đọc SGK : Cho HS chọn bài trong SGK để đọc
 - + Đọc âm, vần, tiếng khoá, từ khoá
 - + Đọc từ ứng dụng
 - + Đọc câu ứng dụng
- _ Viết : Cho HS viết bảng con một số âm, vần, từ ngữ đã học.
- _ Ôn điền vần
- _ Nối từ ngữ thành câu.

TOÁN

BÀI 68: THỰC HÀNH ĐO ĐỘ DÀI

I.MỤC TIÊU:

- _ Biết đo độ dài bằng gang tay, sải tay, bước chân
- _ Thực hành đo chiều dài bằng lớp học, bàn học, lớp học

II.ĐỒ DÙNG DẠY –HỌC:

- _ Thước kẻ HS, que tính ...

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1.Giới thiệu độ dài “gang tay”</p> <p>_GV nói: Gang tay là độ dài (khoảng cách) tính từ đầu ngón tay cái tới đầu ngón tay giữa</p> <p>_Yêu cầu HS xác định độ dài gang tay của bản thân mình: Chấm 1 điểm nơi đặt đầu ngón tay cái và một điểm nơi đặt đầu ngón tay giữa rồi nối hai điểm đó để được đoạn thẳng AB và nói: Độ dài gang tay của em bằng độ dài đoạn thẳng</p> <p>2. Hướng dẫn cách đo độ dài bằng “gang tay”</p> <p>_GV nói: Hãy đo cạnh bằng bằng gang tay</p> <p>_GV làm mẫu: Đặt ngón tay cái sát mép bên trái của cạnh bằng; kéo căng ngón giữa và đặt đầu ngón giữa tại một điểm nào đó trên mép bằng; co ngón tay cái về trùng</p>	

với ngón giữa rồi đặt ngón giữa đến một điểm khác trên mép bảng và cứ như thế đến mép phải của bảng. Mỗi lần co ngón tay cái về trùng với ngón giữa thì đếm lần lượt: một, hai, ... cuối cùng đọc to kết quả, chẳng hạn: cạnh bảng dài 7 gang tay

3.Hướng dẫn cách đo độ dài bằng “bước chân”

_GV nói: Hãy đo chiều dài của bục giảng bằng bước chân

_GV làm mẫu: Đứng chụm hai chân sao cho các gót chân bằng nhau tại mép bên trái của bảng; giữ nguyên chân trái và bước chân phải lên phía trước- và đếm: một bước; tiếp tục như vậy cho đến mép bên phải của bục giảng thì thôi. Mỗi lần bước là một lần đếm số bước. Cuối cùng đọc to kết quả, chẳng hạn: bục giảng dài 5 bước chân

4. Thực hành: (Bài 1, 2, 3)

a) *Giúp HS nhận biết:*

_Đơn vị đo là “gang tay”

_Đo độ dài mỗi đoạn thẳng bằng gang tay, rồi điền số tương ứng vào đoạn thẳng đó hoặc nêu kết quả

b) *Giúp HS nhận biết:*

_Đơn vị đo là “bước chân”

_Đo độ dài mỗi đoạn thẳng bằng bước chân, rồi nêu kết quả đo

c) *Giúp HS nhận biết:*

_Đơn vị đo là “que tính”

_Thực hành đo độ dài bàn, bảng, sợi dây bằng que tính rồi nêu kết quả đo

d) *Nếu còn thời gian có thể giới thiệu đơn vị đo là “sải tay” rồi cho HS thực hành đo độ dài bằng sải tay*

5. Các hoạt động hỗ trợ:

GV có thể hỏi thêm:

_Hãy so sánh độ dài bước chân của em với bước chân của cô giáo bằng phấn vạch trên nền nhà. Bước chân của ai dài hơn?

_Vì sao ngày nay người ta không sử dụng “gang tay” hay “bước chân” để đo độ dài trong các hoạt động hằng ngày?

6.Nhận xét –dặn dò:

_ Nhận xét tiết học

_ Dặn dò: Chuẩn bị bài 69: Một chục- tia số

_HS quan sát

_Thực hành đo cạnh bàn

Đạo đức

Bài : Ôn tập và thực hành kĩ năng cuối học kì I

I.MỤC ĐÍCH YÊU CẦU :

- Giáo dục H đứng nghiêm trang khi chào cờ.
- Đi học đều , đúng giờ.
- Giữ trật tự trong lớp học .

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC :

Tranh phóng to trong vở BT ĐĐ

III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC :

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>*Kiểm tra bài cũ : GV cho cả lớp thực hiện xếp hàng ra, vào lớp GV nhận xét</p> <p>*Bài mới:</p> <p>1. Hoạt động 1 : Thực hành chào cờ GV cho các tổ thi đua GV gọi H nhận xét GV nhận xét , cho điểm</p> <p>2.Hoạt động 2: Thảo luận + Ích lợi của việc đi học đều , đúng giờ GV cho H thảo luận cặp GV gọi H trình bày GV nhận xét + Tác hại của việc đi học trễ GV cho H thảo luận nhóm GV gọi đại diện trả lời GV nhận xét</p> <p style="text-align: right;"><i>Nghỉ giữa tiết</i></p> <p>3. Hoạt động 3: Sắm vai GV yêu cầu H sắm vai theo tình huống : 2 bạn giành nhau quyển truyện GV cho mỗi tổ cử H sắm vai GV gọi H nhận xét GV nhận xét</p> <p>*Củng cố : GV cho H thực hiện lại chào cờ</p>	<p>H thực hiện</p> <p>-Từng tổ lên thực hiện -H khác nhận xét</p> <p>2 H ngồi cùng bàn thảo luận, cá nhân trình bày</p> <p>H thảo luận nhóm 6 H Đại diện nhóm trả lời</p> <p>Mỗi tổ cử 2 H sắm vai H nhận xét</p> <p>Cả lớp làm theo lệnh của GV</p>

1 chục con đó. (Có thể lấy 10 con vật nào để vẽ bao quanh cũng được)

Bài 3: Viết các số vào dưới mỗi vạch theo thứ tự tăng dần

4. *Nhận xét – dặn dò*:

_ Nhận xét tiết học

_ Dặn dò: Chuẩn bị bài 70: Mười một, mười hai

_Thực hành

Tập viết

Tiết 18: con ốc, đôi guốc, thuộc bài, cá diếc, công việc, cái lược, thước kẻ

I.MỤC TIÊU:

_ Viết đúng các chữ: *con ốc, đôi guốc, thuộc bài, cá diếc, công việc, cái lược, thước kẻ* kiểu chữ viết thường cỡ vừa theo vở tập viết.

II.CHUẨN BỊ:

_Chữ viết mẫu các chữ: *con ốc, đôi guốc, rước đèn, kênh rạch, vui thích, xe đạp*

_Bảng lớp được kẻ sẵn

III. CÁC HOẠT ĐỘNG:

<i>Hoạt động của giáo viên</i>	<i>Hoạt động của học sinh</i>
<p>1.Kiểm tra bài cũ: _GV nhận xét chữ viết của HS, sau đó cho HS viết lại từ chưa đúng _Nhận xét</p> <p>2.Bài mới: a) Hoạt động 1: Giới thiệu bài _Hôm nay ta học bài: <i>con ốc, đôi guốc, thuộc bài, cá diếc, công việc, cái lược, thước kẻ</i>. GV viết lên bảng</p> <p>b) Hoạt động 2: Hướng dẫn viết _GV gắn chữ mẫu lên bảng giới thiệu và hướng dẫn cách viết</p> <p>+ con ốc: -Từ gì? -Độ cao của từ <i>ốc</i> -Khoảng cách giữa các tiếng trong 1 từ? -GV viết mẫu: -Cho HS viết vào bảng</p> <p>+ đôi guốc: -Từ gì? -Độ cao của từ <i>guốc</i> -Khoảng cách giữa các tiếng trong 1 từ? -GV viết mẫu: -Cho HS viết vào bảng</p>	<p>_máy xúc</p> <p>HSHT -<i>con ốc</i> -tiếng <i>ốc</i> cao 2 dòng li -Khoảng cách 1 con chữ o</p> <p>-Viết bảng</p> <p>=====</p> <p>-<i>đôi guốc</i> - tiếng <i>guốc</i> có: g :cao 5 dòng li ,các chữ còn lại cao 2 dòng li -Khoảng cách 1 con chữ o</p> <p>-Viết bảng:</p> <p>=====</p>

+ cá điếc

-Từ gì?

-Độ cao của từ **điếc**

-Khoảng cách giữa các tiếng trong 1 từ?

-GV viết mẫu

-Cho HS viết vào bảng

+ thuộc bài

-Từ gì?

-Độ cao của từ **thuộc**

-Khoảng cách giữa các tiếng trong 1 từ?

-GV viết mẫu:

-Cho HS viết vào bảng

+ công g việc

-Từ gì?

-Độ cao của từ **việc**

-Khoảng cách giữa các tiếng trong 1 từ?

-GV viết mẫu:

-Cho HS viết vào bảng

+ cái lược

-Từ gì?

-Độ cao của từ **lược**

-Khoảng cách giữa các tiếng trong 1 từ?

-GV viết mẫu:

-Cho HS viết vào bảng

+ thước kẻ

- Từ gì ?

- Độ cao của từ thước

-Khoảng cách giữa các chữ là bao nhiêu ?

-GV viết mẫu

c) Hoạt động 3: Viết vào vở

_GV hướng dẫn cho HS cách cầm bút, cách đặt vở, tư thế ngồi viết của HS

_Cho HS viết từng dòng vào vở

-cá điếc

-tiếng **điếc có** :d cao 4dòng li,các chữ còn lại cao 2 dòng li

-Khoảng cách 1 con chữ o

-Viết bảng:

=====

-thuộc bài

-tiếng **thuộc có** : t cao 3 dòng li : h cao 5 dòng li ,các chữ còn lại cao 2 dòng li

-Khoảng cách 1 con chữ o

-Viết bảng:

=====

-công việc

-các chữ trong tiếng việc đều có độ cao 2 dòng li

-Khoảng cách 1 con chữ o

-Viết bảng:

=====

- cái lược

-tiếng **lược có** :l cao 5 dòng li, các chữ còn lại cao 2 dòng li

-Khoảng cách 1 con chữ o

-Viết bảng:

=====

- thước kẻ

- t cao 3 dòng li :h cao 5 dòng li : các chữ còn lại cao 2 dòng li

-một con chữ o

-HS viết bảng con

=====

3.Củng cố:

- _Chấm một số vở và nhận xét chữ viết của HS
- _Nhận xét tiết học

4.Dặn dò:

- _Về nhà luyện viết vào bảng con
- _Chuẩn bị: *bập bênh, lợp nhà, xinh đẹp, bếp lửa, giúp đỡ, ướp cá*

.....